

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Phước.

2. Bà Trần Thị Minh Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Loan - Thẩm tra viên Tòa án khu vực 6
- Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Việt D; sinh năm 1982; số CCCD: 045082008318; địa chỉ: Khu phố B, phường Q, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Diệu U; sinh năm 1987; số CCCD: 045187000682; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, phường Q, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2025, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Việt D trình bày: Anh và chị Nguyễn Ngọc Diệu U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là phường Q, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/4/2013. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm và lối sống. Anh và chị U được cả hai bên gia đình hòa giải, đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn để chung sống. Vì vậy, vợ chồng anh D, chị U đã

sống ly thân từ tháng 10/2025. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Diệu U.

Về con chung: Anh D1 và chị U có hai con chung: Cháu Lê Ngọc Hiền N, sinh ngày 10/7/2013 và cháu Lê Văn Nhật P, sinh ngày 11/10/2017. Anh Dũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, P và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Ngọc Diệu U, Phòng xuất nhập cảnh tỉnh Q xác nhận: Chị U đã xuất cảnh từ ngày 25/9/2025. Tòa án đã yêu cầu bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ chị U cung cấp địa chỉ của chị U. Bà H cho biết chị U đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản và vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, còn địa chỉ cụ thể của chị U do chị U không cho biết nên bà không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, chị Nguyễn Ngọc Diệu U không trình bày ý kiến gì, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lê Việt D được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Diệu U. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Hiền N, sinh ngày 10/7/2013 và cháu Lê Văn Nhật P, sinh ngày 11/10/2017 cho anh Lê Việt D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc Diệu U không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Anh Dũng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú trước khi sang Nhật Bản làm việc là phường Q, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6

- Quảng Trị theo quy định Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn anh Lê Việt D và bị đơn chị Nguyễn Ngọc Diệu U. Chị U hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên họp và đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Việt D và chị Nguyễn Ngọc Diệu U kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là phường Q, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/4/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt về lối sống. Anh D1 và chị U không còn chung sống với nhau, không gắn kết được tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D1 giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, chị U đã sang Nhật Bản để sinh sống, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh D1 và chị U đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh Lê Việt D xin ly hôn chị Nguyễn Ngọc Diệu U là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Anh Lê Việt D và chị Nguyễn Ngọc Diệu U có hai con chung là cháu Lê Ngọc Hiền N, sinh ngày 10/7/2013 và cháu Lê Văn Nhật P, sinh ngày 11/10/2017. Xét thấy, cháu N và cháu P đang được anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D đang công tác tại Đ, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Các cháu N, P đều có nguyện vọng được bố nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh D, giao cháu N, P cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Việt D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc anh Lê Việt D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Việt D.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Việt D được ly hôn chị Nguyễn Ngọc Diệu U.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Ngọc Hiền N, sinh ngày 10/7/2013 và cháu Lê Văn Nhật P, sinh ngày 11/10/2017 cho anh Lê Việt D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc Diệu U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Lê Việt D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp tại biên lai số 0001303 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Dũng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường Quảng Trị;
- Công an phường Quảng Trị;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương